

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SINH VIÊN TỔNG HỢP
(Tính đến ngày 01/6/2020)

TỔNG SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG		NAM	NỮ	TỔNG SỐ
		10780	1462	12242
STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Cao đẳng - Chuyên nghiệp				
1	16CD-ĐCN1	15	0	15
2	16CD-ĐCN2	15	0	15
3	16CD-ĐCN3	22	0	22
4	16CD-ĐCN4	16	0	16
5	16CD-ĐCN5	21	0	21
6	16CD-ĐTCN1	14	0	14
7	16CD-TĐH1	7	0	7
8	16CD-ĐL1	10	0	10
9	16CD-ĐL2	10	0	10
10	16CD-ĐL3	11	0	11
11	16CD-CĐ1	2	0	2
12	16CD-CĐT1	7	0	7
13	16CD-CNC1	2	0	2
14	16CD-CTM1	17	0	17
15	16CD-CTM2	19	0	19
16	16CD-CTM3	21	0	21
17	16CD-CTM4	11	0	11
18	16CD-CTM5	10	0	10
19	16CD-Ô1	8	0	8
20	16CD-Ô2	10	0	10
21	16CD-Ô3	5	0	5
22	16CD-Ô4	7	0	7
23	16CD-Ô5	23	0	23
24	16CD-Ô6	21	0	21
25	16CD-Ô7	14	0	14
26	16CD-Ô8	4	0	4
27	16CD-Ô9	15	0	15
28	16CD-Ô10	12	0	12
29	16CD-MTT1	2	1	3
30	16CD-MTT2	1	11	12
31	16CD-TP1	25	1	26
32	16CD-TM1	6	0	6
33	16CD-TM2	6	1	7
34	16CD-TW1	11	1	12
35	Khóa 2015CD (Nợ môn)	299	6	305
Tổng số		699	21	720

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2017 Niên khóa: 2017-2020				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	17C1-ĐCN1	24	0	24
2	17C1-ĐCN2	12	0	12
3	17C1-ĐCN3	22	0	22
4	17C1-ĐCN4	20	0	20
5	17C1-ĐĐT1	12	0	12
6	17C1-ĐĐT2	12	0	12
7	17C1-ĐĐT3	18	0	18
8	17C1-ĐĐT4	24	1	25
9	17C1-ĐTC1	2	0	2
10	17C1-CĐT1	15	0	15
11	17C1-TĐH1	12	0	12
12	17C1-KML1	7	0	7
13	17C1-KML2	15	0	15
14	17C1-VSL1	10	0	10
15	17C1-VSL2	19	0	19
16	17C1-CNL1	14	0	14
17	17C1-CCK1	16	0	16
18	17C1-CCK2	17	0	17
19	17C1-CCK3	17	0	17
20	17C1-CCK4	25	1	26
21	17C1-CCK5	22	0	22
22	17C1-CCK6	16	0	16
23	17C1-CCK7	25	0	25
24	17C1-CCK8	14	0	14
25	17C1-CTM1	16	0	16
26	17C1-CTM2	13	0	13
27	17C1-CKL1	1	0	1
28	17C1-BCN1	16	0	16
29	17C1-CNÔ1	9	0	9
30	17C1-CNÔ2	9	0	9
31	17C1-CNÔ3	20	0	20
32	17C1-CNÔ4	11	1	12
33	17C1-CNÔ5	16	0	16
34	17C1-CNÔ6	10	0	10
35	17C1-CNÔ7	13	0	13
36	17C1-CNÔ8	6	0	6
37	17C1-CNÔ9	15	0	15
38	17C1-CNÔ10	17	0	17
39	17C1-CNÔ11	7	0	7
40	17C1-CNÔ12	17	0	17
41	17C1-CNÔ13	8	0	8
42	17C1-CNÔ14	11	0	11
43	17C1-CNM1	1	5	6
44	17C1-CNM2	0	2	2
45	17C1-ANM1	7	0	7
46	17C1-CMT1	25	0	25

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
47	17C1-TKW1	5	0	5
48	17C1-THU1	7	0	7
49	17C1-LTM1	5	0	5
50	17C1-LTM2	10	0	10
51	17C1-QTM1	8	1	9
52	17C1-KTD1	3	5	8
53	17C1-QTD1	8	4	12
54	17C1-NNA1	1	10	11
Tổng số		685	30	715

Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021

Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm

1	18C1-ĐCN1	42	0	42
2	18C1-ĐCN2	47	0	47
3	18C1-ĐCN3	36	0	36
4	18C1-ĐCN4	47	0	47
5	18C1-ĐĐT1	38	0	38
6	18C1-ĐĐT2	37	1	38
7	18C1-ĐĐT3	48	0	48
8	18C1-CĐT1	65	1	66
9	18C1-TĐH1	64	0	64
10	18C1-KML1	41	0	41
11	18C1-KML2	33	0	33
12	18C1-VSL1	39	0	39
13	18C1-VSL2	35	0	35
14	18C1-VSL3	37	0	37
15	18C1-CNL1	50	0	50
16	18C1-CCK1	55	0	55
17	18C1-CCK2	55	0	55
18	18C1-CCK3	56	0	56
19	18C1-CCK4	55	1	56
20	18C1-CCK5	54	0	54
21	18C1-CCK6	54	0	54
22	18C1-CCK7	56	0	56
23	18C1-CTM1	57	1	58
24	18C1-CKL1	23	0	23
25	18C1-BCN1	21	0	21
26	18C1-CNÔ1	51	0	51
27	18C1-CNÔ2	46	0	46
28	18C1-CNÔ3	46	0	46
29	18C1-CNÔ4	47	0	47
30	18C1-CNÔ5	47	1	48
31	18C1-CNÔ6	43	0	43
32	18C1-CNÔ7	47	0	47
33	18C1-CNÔ8	49	0	49
34	18C1-CNÔ9	47	0	47
35	18C1-CNÔ10	50	0	50
36	18C1-CNÔ11	45	0	45
37	18C1-CNÔ12	53	0	53

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
38	18C1-CNÔ13	48	0	48
39	18C1-CNÔ14	44	1	45
40	18C1-CNÔ15	42	1	43
41	18C1-CNÔ16	45	0	45
42	18C1-CNÔ17	45	0	45
43	18C1-CNM1	4	53	57
44	18C1-CMT1	40	0	40
45	18C1-TKĐ1	46	7	53
46	18C1-TMĐ1	10	2	12
47	18C1-THU1	25	2	27
48	18C1-LTM1	37	1	38
49	18C1-LTM2	32	0	32
50	18C1-QTM1	30	4	34
51	18C1-KTD1	6	30	36
52	18C1-KTD2	3	37	40
53	18C1-QTD1	27	27	54
54	18C1-NNA1	28	23	51
55	18C1-KXD1	52	0	52
Tổng số		2280	193	2473

Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022

Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm

1	19C1-ĐCN1	57	0	57
2	19C1-ĐCN2	55	0	55
3	19C1-ĐCN3	36	0	36
4	19C1-ĐĐT1	55	2	57
5	19C1-ĐĐT2	57	0	57
6	19C1-ĐĐT3	44	2	46
7	19C1-CĐT1	50	1	51
8	19C1-TĐH1	62	1	63
9	19C1-KML1	56	0	56
10	19C1-KML2	35	1	36
11	19C1-LĐL1	28	0	28
12	19C1-VSL1	58	0	58
13	19C1-VSL2	56	0	56
14	19C1-CNL1	54	0	54
15	19C1-CCK1	54	1	55
16	19C1-CCK2	53	0	53
17	19C1-CCK3	50	0	50
18	19C1-CCK4	49	0	49
19	19C1-CCK5	57	0	57
20	19C1-CCK6	52	0	52
21	19C1-CTM1	65	0	65
22	19C1-BCN1	35	0	35
23	19C1-CNÔ1	55	1	56
24	19C1-CNÔ2	50	0	50
25	19C1-CNÔ3	49	0	49
26	19C1-CNÔ4	53	0	53
27	19C1-CNÔ5	57	0	57

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
28	19C1-CNÔ6	51	0	51
29	19C1-CNÔ7	49	0	49
30	19C1-CNÔ8	51	0	51
31	19C1-CNÔ9	47	1	48
32	19C1-CNÔ10	55	0	55
33	19C1-CNÔ11	54	0	54
34	19C1-CNÔ12	54	0	54
35	19C1-CNÔ13	54	0	54
36	19C1-CNÔ14	55	0	55
37	19C1-CNÔ15	37	0	37
38	19C1-CNM1	6	34	40
39	19C1-ANM1	18	1	19
40	19C1-CMT1	43	0	43
41	19C1-TKĐ1	48	10	58
42	19C1-TKĐ2	43	4	47
43	19C1-TKW1	32	3	35
44	19C1-LTM1	65	0	65
45	19C1-QTM1	47	2	49
46	19C1-LGT1	22	6	28
47	19C1-KTD1	22	53	75
48	19C1-QTD1	52	30	82
49	19C1-NNA1	40	28	68
50	19C1-KXD1	32	0	32
Tổng số		2359	181	2540
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	19C3-CCK1	33	0	33
2	19C3-CNÔ1	29	0	29
3	19C3-CNÔ2	31	0	31
Tổng số		93	0	93
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2019				
Cao đẳng - (TĐQT) - Trọng điểm quốc tế				
1	19C4-CNÔ1	18	0	18
Tổng số		18	0	18
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2020				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	18C2-ĐĐT1	72	0	72
2	18C2-CNÔ1	41	0	41
3	18C2-QTM1	41	2	43
4	18C2-CNL1	17	0	17
	18C2-KTD1	3	10	13
5	18C2-CCK1	15	0	15
	18C2-CNM1	1	7	8
	Khóa 2015CDLT, 2017C2 (Nợ môn)	18	0	18
Tổng số		208	19	227

11/11/2022 10:00:00 AM

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	19C2-ĐĐT1	38	0	38
	19C2-ĐĐT2	47	0	47
2	19C2-CCK1	36	0	36
	19C2-CCK2	10	0	10
2	19C2-CNL1	15	0	15
	19C2-CNL2	18	0	18
3	19C2-CNÔ1	49	0	49
	19C2-CNÔ2	41	0	41
4	19C2-QTM1	39	1	40
	19C2-QTM2	35	9	44
5	19C2-KTD1	0	18	18
	19C2-KTD2	0	1	1
	19C2-QTD1	3	12	15
	19C2-QTD2	1	5	6
6	19C2-CNM1	0	6	6
	19C2-CNM2	3	9	12
Tổng số		335	61	396
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Cao đẳng nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	16CĐN-Ô1	23	0	23
2	16CĐN-QTD	1	6	7
	Khóa 2015CĐN (Nợ môn)	12	1	13
Tổng số		36	7	43
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2018				
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp_2N3				
1	Khóa 2014TC Trung cấp (Nợ môn)	61	3	64
2	Khóa 2015TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	48	0	48
3	Khóa 2016TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	74	2	76
Tổng số		183	5	188
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp (9+3)				
1	16TC-Ô1	22	0	22
2	16TC-MTT	1	15	16
3	16TC-QTM	15	1	16
	Khóa 2015TC (Nợ môn)	19	0	19
Tổng số		57	16	73

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Trung cấp nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	16TCN-Đ	23	0	23
2	16TCN-ĐT	21	0	21
3	16TCN-LĐL1	28	0	28
4	16TCN-CKL	15	0	15
5	16TCN-Ô1	40	0	40
6	16TCN-QTM1	28	2	30
7	16TCN-KTD	0	6	6
8	16TCN-QTD	3	12	15
	Khóa 2015TCN (Nợ môn)	114	22	136
Tổng số		272	42	314
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2020				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	18T2-CNÔ1	38	2	40
2	Khóa 2017T2 Trung cấp (Nợ môn)	42	2	44
Tổng số		80	4	84
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	19T2-ĐCN1	34	0	34
2	19T2-CCK1	26	0	26
3	19T2-CNÔ1	64	0	64
4	19T2-QTM1	46	7	53
Tổng số		170	7	177
Khóa: 2017 Niên khóa: 2017-2020				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	17T4-ĐCN1	43	0	43
2	17T4-ĐĐT1	34	1	35
3	17T4-ĐTC1	14	1	15
4	17T4-LĐL1	45	0	45
5	17T4-CNL1	34	0	34
6	17T4-CCK1	51	0	51
7	17T4-CKL1	14	0	14
8	17T4-CNÔ1	53	0	53
9	17T4-CNÔ2	36	0	36
10	17T4-CNÔ3	37	0	37
11	17T4-CNM1	4	24	28
12	17T4-CMT1	20	0	20
13	17T4-TKW1	20	0	20
14	17T4-THU1	34	14	48
15	17T4-LTM1	29	2	31
16	17T4-QTM1	40	3	43
17	17T4-KTD1	5	31	36
18	17T4-QTD1	26	20	46
19	17T4-NNA1	22	29	51
Tổng số		561	125	686

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	18T4-ĐCN1	55	0	55
2	18T4-ĐĐT1	42	0	42
3	18T4-CĐT1	39	0	39
4	18T4-KML1	33	0	33
5	18T4-VSL1	43	0	43
6	18T4-VSL2	41	0	41
7	18T4-CCK1	60	0	60
8	18T4-CKC1	26	0	26
9	18T4-CNÔ1	44	0	44
10	18T4-CNÔ2	47	0	47
11	18T4-CNÔ3	46	0	46
12	18T4-CNÔ4	46	0	46
13	18T4-CNÔ5	45	0	45
14	18T4-CNM1	7	39	46
15	18T4-ANM1	34	3	37
16	18T4-CMT1	52	0	52
17	18T4-TKĐ1	30	12	42
18	18T4-TKĐ2	24	8	32
19	18T4-TKW1	27	5	32
20	18T4-THU1	34	11	45
21	18T4-LTM1	35	1	36
22	18T4-LTM2	27	4	31
23	18T4-QTM1	44	1	45
24	18T4-TCĐ1	7	9	16
25	18T4-KTD1	9	42	51
26	18T4-QTD1	12	25	37
27	18T4-QTD2	11	24	35
28	18T4-NNA1	19	25	44
29	18T4-NNA2	13	31	44
30	18T4-NNA3	16	22	38
31	18T4-KXD1	19	0	19
Tổng số		987	262	1249
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	19T4-ĐCN1	43	0	43
2	19T4-ĐCN2	41	0	41
3	19T4-ĐĐT1	39	0	39
4	19T4-ĐĐT2	32	1	33
5	19T4-CĐT1	45	0	45
6	19T4-KML1	63	0	63
7	19T4-LĐL1	57	0	57
8	19T4-VSL1	39	0	39
9	19T4-VSL2	38	0	38

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
10	19T4-CCK1	66	0	66
11	19T4-CKC1	58	0	58
12	19T4-CKC2	33	0	33
13	19T4-CNÔ1	63	0	63
14	19T4-CNÔ2	61	0	61
15	19T4-CNÔ3	57	0	57
16	19T4-CNÔ4	62	0	62
17	19T4-CNÔ5	63	0	63
18	19T4-CNM1	5	52	57
19	19T4-ANM1	34	2	36
20	19T4-ANM2	32	3	35
21	19T4-CMT1	57	1	58
22	19T4-CMT2	34	2	36
23	19T4-TKĐ1	45	20	65
24	19T4-TKĐ2	38	27	65
25	19T4-TKW1	50	11	61
26	19T4-TMĐ1	14	13	27
27	19T4-THU1	41	16	57
28	19T4-LTM1	56	6	62
29	19T4-LTM2	58	3	61
30	19T4-QTM1	57	4	61
31	19T4-LGT1	22	11	33
32	19T4-TCĐ1	22	20	42
33	19T4-KTD1	5	53	58
34	19T4-KTD2	19	37	56
35	19T4-QTD1	26	37	63
36	19T4-NNA1	23	37	60
37	19T4-NNA2	15	39	54
38	19T4-NNA3	26	32	58
39	19T4-KXD1	34	2	36
Tổng số		1573	429	2002
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2019				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3(Buổi tối)				
1	18T5-ĐCN1	22	1	23
2	18T6-ĐCN1	11	1	12
3	18T7-ĐCN1	37	2	39
Tổng số		70	4	74
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2020				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1 năm(Buổi tối)				
1	19T5-THU1	34	20	54
2	19T5-THU2	31	25	56
Tổng số		65	45	110

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
	20C1-ĐCN1	1	0	1
	20C1-CĐT1	1	0	1
	20C1-TĐH1	1	0	1
	20C1-KML1	1	0	1
	20C1-CNÔ1	7	0	7
	20C1-TKĐ1	4	0	4
	20C1-TMĐ1	1	0	1
	20C1-QTD1	0	1	1
	20C1-KLB1	0	1	1
	20C1-NNA1	1	0	1
Tổng số		17	2	19
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
	20C3-CNÔ1	1	0	1
	20C3-CNM1	0	1	1
Tổng số		1	1	2
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
	20T4-ĐTT1	1	0	1
	20T4-KML1	1	0	1
	20T4-VSL1	1	0	1
	20T4-CNL1	1	0	1
	20T4-LĐL1	1	0	1
	20T4-CCK1	2	0	2
	20T4-CKC1	3	0	3
	20T4-CKL1	1	0	1
	20T4-CNÔ1	9	0	9
	20T4-ANM1	1	0	1
	20T4-CMT1	0	1	1
	20T4-TKĐ1	3	1	4
	20T4-LTM1	2	0	2
	20T4-QTM1	2	0	2
	20T4-KTD1	0	1	1
	20T4-QTD1	1	1	2
	20T4-QDL1	0	1	1
	20T4-KLB1	0	2	2
	20T4-NNA1	2	1	3
Tổng số		31	8	39

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
1	Cao đẳng	6448		
2	Cao đẳng - Chất lượng cao	93		
3	Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế	18		
4	Cao đẳng Liên thông (Buổi tối)	623		
5	Cao đẳng nghề (12+3)	43		
6	Trung cấp chuyên nghiệp_(12+2) & 2N3	188		
7	Trung cấp chuyên nghiệp (9+3)	73		
8	Trung cấp nghề (9+4)	314		
9	Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	261		
10	Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	3937		
11	Trung cấp - (Tín chỉ) - LKĐT (Buổi tối)	184		
	Tuyển mới 2020-2021 =	60		
	TỔNG CỘNG =	12242	272 Lớp	

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV



Lê Xuân Thiện

TP. HCM, ngày 01 tháng 6 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

